

Bản án số: 15/2024/HC-ST  
Ngày: 24/9/2024  
V/v khiếu kiện quyết định  
hành chính

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Công Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đàm Văn Sự
- Bà Trương Thị Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Bà Chung Thị Bích Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-HC ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Phạm Văn T. Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T: Bà Phùng Thị U. Địa chỉ: Tổ G, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ. Địa chỉ: Tổ B phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ: Ông Bàn Trung H1. Địa chỉ: Số H phố Chợ T, phường Đ, thành phố T, Bắc Ninh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ: Ông Vũ Quang D - Luật sư thuộc Văn phòng L1 và Cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh B. Địa chỉ: Số H phố Chợ T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:***

Về nguồn gốc thửa đất: Ông Mã Văn C1 có thửa đất tên gọi Nà Mò tại tổ C, phường S, thành phố C do gia đình tự khai phá từ năm 1967. Năm 1991 ông C1 được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã C (nay là thành phố C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A033181 ngày 14/12/1991, nội dung cấp đất nông lâm nghiệp, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 10.000m<sup>2</sup>; Năm 2003 ông Phạm Văn T nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên với ông Mã Văn C1, việc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông C1 hoàn toàn tự nguyện. Mục đích của ông T là muốn xây dựng trung tâm đào tạo lái xe trên diện tích đất này. Trước khi làm thủ tục chuyển nhượng thì ông T đã được tổ trưởng dân phố, cán bộ địa chính dẫn đi quan sát ranh giới của thửa đất và xác định không có tranh chấp, nên hai bên mới tiến hành giao dịch. Thời điểm chuyển nhượng, trên đất của ông C1 có xây 01 ngôi nhà cấp 4 kiên cố. Sau khi đã hoàn tất thủ tục với cơ quan nhà nước để mở trung tâm lái xe vào năm 2004, ông T đem máy móc vào khởi công thì bị gia đình ông Hoàng Văn T2 ngăn cản, nên mới có sự việc tranh chấp.

Năm 2014 nhà nước thực hiện dự án đường phía nam khu đô thị mới và đã thu hồi của ông T diện tích đất 8.281,3m<sup>2</sup> để thực hiện dự án và được thưởng về đất, tài sản trên đất với số tiền là 846.608.600đ (Tám trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm linh tám ngàn, sáu trăm đồng) và được cấp 01 lô đất tái định cư tại khu đô thị M với diện tích là 173,8m<sup>2</sup>.

Đối với diện tích đất còn lại (theo biên bản thẩm định thực tế ngày 21/6/2019 được thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/TLST-DS ngày 17/12/2018) gồm 2 vị trí, có diện tích và các hướng tiếp giáp như sau:

- Vị trí 01 có diện tích 1.781m<sup>2</sup>:
  - + Phía Đông Bắc giáp đường Đ (liền kề đất và nhà gia đình ông Hoàng Văn T1).
  - + Phía Nam giáp đường 58m;
  - + Phía Tây Bắc giáp nương và ruộng của ông Phan Văn B.
- Vị trí 02 có diện tích 1.805,4m<sup>2</sup>:
  - + Phía Bắc giáp đường 58m;
  - + Phía Tây Bắc giáp đất bà Hoàng Thị C2;

+ Phía Tây Nam giáp đất ông Đinh Ngọc Đ1;

+ Phía Đông và phía Nam giáp đường giải phóng mặt bằng lên Trung tâm điều dưỡng người có công.

Ngày 14/11/2018, ông Hoàng Văn T2 khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc: “Tranh chấp đất đai và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A033181 do UBND thị xã C cho ông Mã Văn C1 ngày 14/12/1991”.

Tại Bản án số 08/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và Bản án số 72/2020/DS-PT ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều tuyên:

“...1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T2 về việc yêu cầu ông Mã Văn C1 phải trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.631m<sup>2</sup> (phần đất còn lại sau khi nhà nước thu hồi) thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số địa chính số 13 đo vẽ năm 1995 tại phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng và bác yêu cầu của ông T2 đòi được hưởng số tiền 846.608.600 đồng (Tám trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng) tiền do nhà nước bồi thường về đất, tiền bồi thường tài sản trên đất và 01 lô đất tái định cư do ông T đang quản lý, sử dụng.

1.2. Bác yêu cầu của ông T2 về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 200/UB-QĐ-GR ngày 20/6/1991 của Ủy ban nhân dân thị xã C về việc giao đất giao rừng cho ông Mã Văn C1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A033181 ngày 14/12/1991 của Ủy ban nhân dân thị xã C cho ông Mã Văn C1;...”.

Bản án có hiệu lực pháp luật, theo bản án phần diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T. Ông T đã tiến hành đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại thì ngày 08/5/2023 ông Hoàng Văn T1 đã gửi đơn kiến nghị đến chủ tịch UBND thành phố C và lãnh đạo UBND phường S, thành phố C. Ông T1 cho rằng ông T đang hoàn thiện các thủ tục nhằm chiếm đoạt thửa đất của ông T1, thửa đất này ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.240m<sup>2</sup>, số giấy chứng nhận AG 186980, cấp ngày 20/12/2005 mang tên Hoàng Văn T1 và vợ là Trương Thị Đ.

Qua xem xét, nhận thấy phần diện tích đất 2.240m<sup>2</sup> trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980, cấp ngày 20/12/2005 mang tên Hoàng Văn T1, Trương Thị Đ nằm trong diện tích đất ở vị trí 1 và nằm hoàn toàn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A033181 do UBND thị xã C cho ông Mã Văn C1 ngày 14/12/1991. Năm 2003 ông Mã Văn C1 đã chuyển nhượng cho ông T và năm 2014 nhà nước thu hồi một phần diện tích đất của ông T để thi công làm đường phía Nam khu đô thị mới và đã bồi thường về đất, giá trị tài sản trên đất cho ông T.

Từ khi biết ông T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các ngày 22/5/2023, ngày 13/12/2023, ngày 27/12/2023 ông T liên tiếp gửi đơn kiến

ngợi, phán ánh gửi UBND thành phố C đề nghị xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn T1 năm 2005, cấp chồng lấn vào phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A033181 do UBND thị xã C đã cấp cho ông Mã Văn C1 ngày 14/12/1991 và năm 2003 ông C1 đã chuyển nhượng cho ông T.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 do UBND thị xã C (nay là UBND thành phố C) cấp cho hộ ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ ngày 20 tháng 12 năm 2005.

***Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của người bị kiện trình bày:***

Qua rà soát, xem xét UBND thành phố nhận thấy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 do UBND thị xã cấp ngày 20/12/2005 cho hộ ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ về thành phần hồ sơ đúng quy định, tuy nhiên còn có một số sai sót như sau: Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận hồ sơ ngày 08/3/2006, sau ngày UBND thị xã ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ngày 20/12/2005; thiếu danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thiếu trích lục, trích sao bản đồ địa chính. Mặt khác đối chiếu với sổ mục kê đất đai lập năm 1995 thì thửa đất số 62, tờ bản đồ số F-48-45 (371-d-IV) phường S đứng tên chủ hộ là Hoàng Văn L. Do vậy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 do UBND thị xã cấp ngày 20/12/2005 được ban hành không đúng trình tự, thủ tục, đối tượng tại thời điểm cấp. UBND thành phố đề nghị Tòa án xem xét theo đúng quy định của pháp luật. UBND thành phố nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

***Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T. Đối chiếu hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất này không liên quan đến nhau. Từ vụ án tranh chấp dân sự trước đây, trong bản tự khai, giấy tờ mua bán của ông T và ông C1 đều thể hiện diện tích thửa đất số 77 là 10.000m<sup>2</sup>. Trong sơ đồ thửa đất không có việc chồng lấn. Diện tích hiện trạng thửa số 77 đang dư ra so với diện tích ông T mua 10.000m<sup>2</sup> dư ra 1.626m<sup>2</sup>. Biên bản hòa giải tại UBND phường cũng khẳng định hai thửa này không liên quan gì đến nhau. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay chưa có cơ quan có thẩm quyền nào quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1, bà Đ nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn có giá trị pháp lý.

***Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa ra ý kiến như sau:***

Thứ nhất, trong vụ án này ông T không có quyền khởi kiện, lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T1, bà Đ không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST của Tòa án nhân

dân tỉnh Cao Bằng và bản án dân sự phúc thẩm số 72/2022/DS-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều không tuyên đối với thửa đất số 62, trong giấy mua bán giữa ông T và ông C1 thể hiện ranh giới thửa số 77 tiếp giáp với thửa số 62 nên thửa số 77 không liên quan đến thửa số 62;

Thứ hai, đối với ý kiến của người bị kiện cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, bà Đ không đúng đối tượng là không chính xác; vì sổ mục kê không hợp pháp do không được phê duyệt; về trình tự thủ tục là đúng quy định, chỉ sai về ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải lỗi của người kê khai.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả lại đơn khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 187 Luật tố tụng hành chính tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập chứng cứ, để làm rõ quyền khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác Hội đồng xét xử nhận định:

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 do UBND thị xã C (nay là UBND thành phố C) cấp cho hộ ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính xác định đây là quyết định hành chính bị kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 08/5/2023 ông Hoàng Văn T1 gửi đơn kiến nghị đến Chủ tịch UBND thành phố C và lãnh đạo UBND phường S, thành phố C yêu cầu chấm dứt các thủ tục của ông Phạm Văn T đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.240m<sup>2</sup>. Ngày 12/5/2023, UBND phường S lập biên bản về việc trao đổi nội dung liên quan đến nhu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn T thì ông T mới biết thửa đất này ông T1 đã được UBND

thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980, thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.240m<sup>2</sup>, cấp ngày 20/12/2005 mang tên Hoàng Văn T1 và vợ là Trương Thị Đ. Ngày 12/4/2024, ông T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

**[2] Xét về tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 (thửa 62, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.240m<sup>2</sup>)**

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất: Tại sổ mục kê đất đai lập năm 1995 thì thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13, địa chỉ phường S, thành phố C đứng tên hộ ông Hoàng Văn L.

[2.2] Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2003, UBND thành phố Cao Bằng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 cho ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Thành phần hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất do UBND thành phố cung cấp gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất kê khai ngày 19/8/2004; Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 02/6/2004; giấy nộp thuế trước bạ nhà đất ngày 27/5/2004; Đơn xin sang tên chuyển quyền sử dụng đất có chứng nhận của UBND phường S ngày 04/2/2004; Giấy thừa kế của ông Hoàng Văn T2 thừa kế sang tên cho con trai, con dâu là ông Hoàng Văn T1 và bà Trương Thị Đ ngày 04/2/2004, có xác nhận của UBND phường S ngày 26/02/2004; Đơn trình bày đất tự khai phá của ông Hoàng Văn T2 ngày 30/12/2003, có xác nhận của UBND phường S ngày 09/01/2004.

Hội đồng xét xử nhận thấy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 do UBND thị xã (nay là UBND thành phố C) cấp ngày 20/12/2005 cho hộ ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ về thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004. Tuy nhiên, khi xem xét toàn bộ hồ sơ thấy rằng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 được UBND thị xã (nay là UBND thành phố C) cấp cho hộ ông T1, bà Đ ngày 20/12/2005, trong khi Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/3/2006, như vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trước khi hồ sơ được xác nhận đủ điều kiện là vi phạm Khoản 2 Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành Luật Đất đai quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại phường quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

*“a) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, xác minh thực địa khi cần thiết; lấy ý kiến xác nhận của Ủy ban nhân dân phường về tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất; trường hợp người đang sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản*

1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai thì lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân phường về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt; công bố công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trong thời gian mười lăm (15) ngày; xem xét các ý kiến đóng góp đối với các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ghi ý kiến đối với trường hợp không đủ điều kiện; trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì làm trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính; gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp người sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; gửi hồ sơ những trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính đến Phòng Tài nguyên và Môi trường;

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất;

c) Thời gian thực hiện các công việc quy định tại điểm a và điểm b khoản này không quá năm mươi lăm (55) ngày làm việc (không kể thời gian công bố công khai danh sách các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính) kể từ ngày Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nhận đủ hồ sơ hợp lệ cho tới ngày người sử dụng đất nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Đồng thời, tại phiên đối thoại và tại phiên toà, người bị kiện thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 đã cấp chưa đúng đối tượng và không đảm bảo về trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp, do vậy người bị kiện nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980, ngày 20/12/2005 do UBND thị xã C (nay là UBND thành phố C) cấp cho hộ ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ chưa đảm bảo tính hợp pháp về trình tự, thủ tục. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T là có căn cứ được chấp nhận.

**[3] Về án phí:** Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

**[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng:** Căn cứ Điều 187 Luật tố tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ làm rõ quyền khởi kiện của ông Phạm Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy ông T khởi kiện xuất phát từ việc ông T thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án số 72/DS-PT ngày 08/4/2022 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thì ông T1 có

đơn đề nghị chấm dứt thủ tục đăng ký đất đai của ông T do ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như vậy quyền lợi của ông T bị ảnh hưởng nên ông T có quyền khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền lợi của mình, do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 186980 do UBND thị xã C (nay là UBND thành phố C) cấp cho hộ ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị Đ cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005.

2. Về án phí: UBND thành phố C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- UBND tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nông Công Hưng**



